

**PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO ĐÀ LẠT
TRƯỜNG THCS QUANG TRUNG**

**NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KÌ I
Môn Ngữ văn lớp 8
Năm học 2020 – 2021**

I. PHẦN TIẾNG VIỆT:

Stt	Tên bài	Nội dung
1	Trường từ vựng	<ul style="list-style-type: none">- Trường từ vựng là tập hợp của những từ có ít nhất một nét chung về nghĩa.- Một từ có thể thuộc về nhiều trường từ vựng khác nhau.
2	Từ tượng hình, từ tượng thanh	<ul style="list-style-type: none">- Từ tượng hình: là từ gọi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật.- Từ tượng thanh: là từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên, của con người- Từ tượng hình, từ tượng thanh gọi được hình ảnh, âm thanh cụ thể, sinh động, có giá trị biểu cảm cao, thường được dùng trong văn miêu tả và tự sự.
3	Trợ từ, thán từ	<ul style="list-style-type: none">- Trợ từ: là những từ chuyên đi kèm với một từ ngữ trong câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến ở từ ngữ đó.- Thán từ: Là những từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp. Thán từ thường đứng ở đầu câu, có khi được tách ra thành một câu đặc biệt. Thán từ có hai loại: Thán từ bộc lộ tình cảm, cảm xúc; thán từ gọi đáp.
4	Tình thái từ	<ul style="list-style-type: none">- Tình thái từ là những từ được thêm vào câu để cấu tạo câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán và để biểu thị các sắc thái tình cảm của người nói.- Các loại tình thái từ:<ul style="list-style-type: none">+ Tình thái từ nghi vấn+ Tình thái từ cảm thán+ Tình thái từ cầu khiến+ Tình thái từ biểu thị sắc thái tình cảm.
5	Từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội	<ul style="list-style-type: none">- Từ ngữ địa phương: từ ngữ được sử dụng ở một hoặc một số địa phương nhất định.- Biệt ngữ xã hội: từ ngữ được dùng trong một tầng lớp xã hội nhất định.- Việc sử dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội phải phù hợp với tình huống giao tiếp:<ul style="list-style-type: none">+ Từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội thường được sử dụng trong khẩu ngữ, trong giao tiếp thường nhật với người cùng địa phương hoặc cùng tầng lớp xã hội với mình.+ Trong thơ văn, tác giả có thể sử dụng một số từ ngữ thuộc hai lớp từ này để thể hiện nét riêng về ngôn ngữ, tính cách của nhân vật.+ Cần tránh lạm dụng hai lớp từ này.
6	Nói quá	Nói quá là biện pháp tu từ phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm.
7	Nói giảm nói tránh	Nói giảm nói tránh là biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển nhằm tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề; hoặc thô tục, thiếu lịch sự.
8	Câu ghép	<ul style="list-style-type: none">- Câu ghép là những câu do hai hoặc nhiều cụm C – V không bao chứa nhau tạo thành. Mỗi cụm C – V này được gọi là một vế câu.- Các vế của câu ghép được nối với nhau bằng hai cách:<ul style="list-style-type: none">+ Dùng từ nối (quan hệ từ, cặp quan hệ từ, cặp phó từ, đại từ hay chỉ từ thường đi đôi với nhau)

		<ul style="list-style-type: none"> + Không dùng từ nối: theo cách này, giữa các vế câu cần có dấu phẩy, dấu chấm phẩy hoặc dấu hai chấm. - Các vế của câu ghép có quan hệ ý nghĩa với nhau khá chặt chẽ. Những quan hệ thường gặp là: <ul style="list-style-type: none"> + Quan hệ nguyên nhân + Quan hệ điều kiện (giả thiết) + Quan hệ tương phản + Quan hệ tăng tiến + Quan hệ lựa chọn + Quan hệ bổ sung + Quan hệ tiếp nối + Quan hệ đồng thời + Quan hệ giải thích - Mỗi quan hệ thường được đánh dấu bằng những quan hệ từ, cặp quan hệ từ hoặc cặp từ hô ứng nhất định. Tuy nhiên, để nhận biết chính xác quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu, trong nhiều trường hợp ta phải dựa vào văn cảnh hoặc hoàn cảnh giao tiếp.
9	Dấu ngoặc đơn và dấu hai chấm	<ul style="list-style-type: none"> - Dấu ngoặc đơn: Dùng để đánh dấu phần chú thích (giải thích, thuyết minh, bổ sung) - Dấu hai chấm: dùng để đánh dấu (báo trước) phần giải thích, thuyết minh cho một phần trước nó hoặc đánh dấu (báo trước) lời dẫn trực tiếp (dùng với dấu ngoặc kép) hay lời đối thoại (dùng với dấu gạch ngang).
10	Dấu ngoặc kép	<ul style="list-style-type: none"> - Công dụng của dấu ngoặc kép: <ul style="list-style-type: none"> + Đánh dấu từ ngữ, câu, đoạn dẫn trực tiếp. + Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt hay có hàm ý mỉa mai. + Đánh dấu tên tác phẩm, tờ báo, tập san... được dẫn.

(Hs học lí thuyết và vận dụng vào bài tập)

II. PHẦN VĂN BẢN:

Stt	Tên văn bản	Tác giả	Thể loại	PTBD	Nghệ thuật	Ý nghĩa
1	Tôi đi học	Thanh Tịnh (1911 - 1988)	Truyện ngắn	Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm.	<ul style="list-style-type: none"> - Miêu tả tinh tế, chân thực diễn biến tâm trạng của ngày đầu tiên đi học. - Sử dụng ngôn ngữ giàu yếu tố biểu cảm, hình ảnh so sánh độc đáo ghi lại dòng liên tưởng, hồi tưởng của nhân vật tôi - Giọng điệu trữ tình trong sáng 	Buổi tựu trường đầu tiên sẽ mãi không thể nào quên trong kí ức của nhà văn Thanh Tịnh.
2	Trong lòng mẹ	Nguyễn Hồng (1918 - 1982)	Hồi kí	Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm.	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo dựng được mạch truyện, mạch cảm xúc trong đoạn trích tự nhiên, chân thực. - Kết hợp lời văn kể chuyện với miêu tả, biểu cảm tạo nên những rung động trong lòng độc giả. - Khắc họa hình tượng nhân vật bé Hồng với lời nói, hành động, tâm trạng sinh động, chân thật. 	Tình mẫu tử là mạch nguồn tình cảm không bao giờ vơi trong tâm hồn con người.
3	Tức nước vỡ bờ	Ngô Tất Tố (1893 -	Tiểu thuyết	Tự sự kết hợp miêu tả, biểu	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo tình huống truyện có tính kịch tức nước vỡ bờ. - Kể chuyện, miêu tả nhân 	Với cảm quan nhạy bén, nhà văn Ngô Tất Tố đã phản ánh

	bờ	1954)		cảm.	vật chân thực, sinh động (ngoại hình, ngôn ngữ, hành động, tâm lí...)	hiện thực về sức phản kháng mãnh liệt chống lại áp bức của những người nông dân hiền lành, chất phác.
4	Lão Hạc	Nam Cao (1915 - 1951)	Truyện ngắn	Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm.	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng ngôi kể thứ nhất, người kể là nhân vật hiệu, chứng kiến toàn bộ câu chuyện và cảm thông với lão Hạc. - Kết hợp các phương thức biểu đạt tự sự, trữ tình, lập luận, thể hiện được chiều sâu tâm lí nhân vật với diễn biến tâm trạng phức tạp, sinh động. - Sử dụng ngôn ngữ hiệu quả, tạo được lối kể khách quan, xây dựng được hình tượng nhân vật có tính cá thể hóa cao. 	Văn bản thể hiện phẩm giá của người nông dân không thể bị hoen ố cho dù phải sống trong cảnh khốn cùng
5	Cô bé bán diêm	An-đéc-xen (1805 - 1875)	Truyện ngắn	Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm.	<ul style="list-style-type: none"> - Miêu tả rõ nét cảnh ngộ và nỗi khổ cực của em bé bằng những chi tiết, hình ảnh đối lập. - Sắp xếp trình tự sự việc nhằm khắc họa tâm lí em bé trong cảnh ngộ bất hạnh. - Sáng tạo trong cách kể chuyện. 	Truyện thể hiện niềm thương cảm sâu sắc của nhà văn đối với những số phận bất hạnh.
6	Đánh nhau với cối xay gió	Xéc-van-tét (1547 - 1616)	Tiểu thuyết	Tự sự, miêu tả.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghệ thuật kể chuyện tô đậm sự tương phản giữa hai hình tượng nhân vật. - Có giọng điệu phê phán, hài hước. 	Kể về chuyện thất bại của Đôn Ki-hô-tê đánh nhau với cối xay gió, nhà văn chế giễu lí tưởng hiệp sĩ phiêu lưu, phê phán thói thực dụng, thiên cận của con người trong đời sống xã hội.
7	Chiếc lá cuối cùng	O Hen-ri (1862 - 1910)	Truyện ngắn	Tự sự, miêu tả, biểu cảm.	<ul style="list-style-type: none"> - Dàn dựng cốt truyện chu đáo, các tình tiết được sắp xếp tạo nên hứng thú đối với độc giả. - Nghệ thuật kể chuyện đảo ngược tình huống hai lần tạo nên sức hấp dẫn cho thiên truyện. 	Chiếc lá cuối cùng là câu chuyện cảm động về tình yêu thương giữa những người nghệ sĩ nghèo. Qua đó, tác giả thể hiện quan niệm của mình về mục đích của sáng tạo nghệ thuật.

8	Hai cây phong	Ai-ma-tốp (1928 - 2008)	Truyện ngắn	Tự sự, miêu tả, biểu cảm	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn ngôi kể, người kể tạo nên hai mạch kể lồng ghép, độc đáo. - Miêu tả bằng ngòi bút đậm chất hội họa, truyền sự rung cảm đến người đọc. - Có nhiều liên tưởng, tưởng tượng hết sức phong phú... 	Hai cây phong là biểu tượng của tình yêu quê hương sâu nặng gắn liền với những kỉ niệm tuổi thơ đẹp đẽ của người họa sĩ làng Ku-Ku-rêu.
9	Thông tin về ngày Trái Đất năm 2000		Văn bản nhật dụng	Nghị luận, thuyết minh.	Ngôn ngữ diễn đạt sáng rõ, chính xác, thuyết phục.	Nhận thức về tác dụng của một hành động nhỏ, có tính khả thi trong việc bảo vệ môi trường Trái Đất.
10	Ôn dịch thuốc lá	Nguyễn Khắc Viện	Văn bản nhật dụng	Nghị luận, thuyết minh.	<ul style="list-style-type: none"> - Kết hợp lập luận chặt chẽ, dẫn chứng sinh động với thuyết minh cụ thể, phân tích trên cơ sở khoa học. - Sử dụng thủ pháp so sánh để thuyết minh một cách thuyết phục một vấn đề y học liên quan đến tệ nạn xã hội. 	Với những phân tích khoa học, tác giả đã chỉ ra tác hại của việc hút thuốc lá đối với đời sống con người, từ đó phê phán và kêu gọi mọi người ngăn ngừa tệ nạn hút thuốc lá.
11	Bài toán dân số	Thái An	Văn bản nhật dụng	Tự sự, nghị luận.	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng kết hợp các phương pháp so sánh, dùng số liệu, phân tích. - Lập luận chặt chẽ. - Ngôn ngữ khoa học, giàu sức thuyết phục. 	Văn bản nêu lên vấn đề thời sự của đời sống hiện đại: Dân số và tương lai của dân tộc, nhân loại.
12	Đập đá ở Côn Lôn	Phan Châu Trinh (1872 - 1926)	Thơ (Thất ngôn bát cú)	Tự sự, biểu cảm.	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng hình tượng nghệ thuật đa nghĩa. - Sử dụng bút pháp lãng mạn, thể hiện khẩu khí ngang tàng, ngạo nghễ và giọng điệu hào hùng. - Sử dụng thủ pháp đối lập, nét bút khoa trương, góp phần làm nổi bật tầm vóc khổng lồ của người anh hùng cách mạng. 	Nhà tù của đế quốc thực dân không thể khuất phục ý chí, nghị lực và niềm tin lí tưởng của người chí sĩ cách mạng.

(Học tác giả, tác phẩm, ý nghĩa, viết đoạn văn có chủ đề kết nối với nội dung của các văn bản trên)

III. PHẦN TẬP LÀM VĂN:

- Lí thuyết: + Miêu tả và biểu cảm trong văn tự sự.
 + Khái niệm, đặc điểm của văn bản thuyết minh.
- Thực hành viết bài tập làm văn:
 - + Viết bài văn kể chuyện người thực, việc thực.
 - + Thuyết minh về một thứ đồ dùng.

Duyệt của Ban Giám hiệu

Tổ trưởng chuyên môn

Nguyễn Thị Kim Hoa